

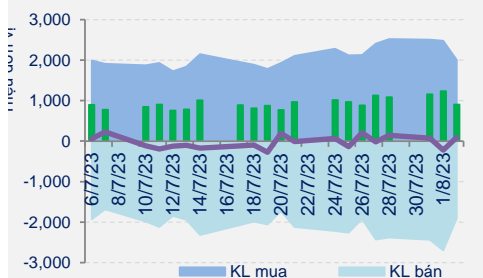
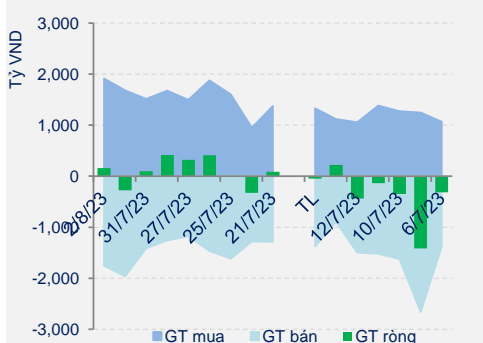
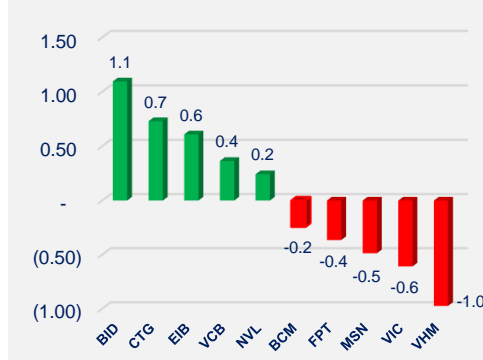
MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **2/8/2023**

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,220.43	241.31
% Thay đổi	↑ 0.24%	↑ 0.82%
KLGD (CP)	904,761,936	96,273,191
GTGD (tỷ đồng)	19,137.27	1,635.19
Tổng cung (CP)	1,908,814,690	161,981,400
Tổng cầu (CP)	2,006,980,414	150,081,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	51,002,600	596,511
KL mua (CP)	73,101,993	1,430,711
GT mua (tỷ đồng)	1,914.35	52.49
GT bán (tỷ đồng)	1,756.84	10.21
GT ròng (tỷ đồng)	157.51	42.28

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


Sau khi chịu áp lực bán hôm qua, VN-INDEX trong phiên hôm nay tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh về quanh vùng giá 1.210 điểm với thanh khoản suy giảm trước khi phục hồi nhẹ trở lại với thanh khoản cải thiện hơn. Kết phiên VN-INDEX tăng điểm nhẹ 2,87 điểm (0,24%) lên mức 1.220,43 điểm. HNX-INDEX tích cực hơn tăng 1,96 điểm (+0,82%) lên mức 241,31 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết phục hồi tích cực với tổng cộng 338 mã tăng giá (18 mã tăng trần), 300 mã giảm giá (01 mã giảm sàn) và 113 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết trong phiên đạt 20.764 tỷ đồng, giảm 28,44% so với phiên đột biến trước đó, duy trì trên mức trung bình. Mức độ phục hồi không đồng đều, nhiều mã phục hồi kém với khối lượng giao dịch suy giảm khi tâm lý thị trường trở nên thận trọng hơn. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch và mua ròng trên HOSE với giá trị 157,51 tỷ đồng; mua ròng trên HNX với giá trị 42,28 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin tổ chức xếp hạng Fitch Ratings hạ bậc tín nhiệm của Mỹ, từ mức cao nhất là AAA xuống AA+, một phần vì bê tắc trần nợ cách đây vài tháng. Giải thích về việc hạ tín nhiệm, Fitch cho biết họ dự báo "tình hình tài khóa của Mỹ sẽ xuống cấp trong ba năm tới, gánh nặng nợ công sẽ tăng cao và chất lượng quản trị đi xuống so với các nước có cùng xếp hạng AA và AAA trong hai thập kỷ qua". Fitch cho rằng những điều này khiến Mỹ liên tiếp rơi vào bê tắc khi đàm phán nâng trần nợ, và chỉ tìm được giải pháp vào phút chót.

Sau phiên biến động mạnh với thanh khoản đột biến, thị trường giao dịch chậm lại, tuy nhiên vẫn có nhiều điểm khá tích cực khi nhiều mã vẫn thu hút dòng tiền tăng giá tích cực với thanh khoản gia tăng mạnh, nhiều mã vượt vùng giá đỉnh cũ trong các nhóm ngành như ngân hàng với EIB (+6,99%), KLB (+5,56%), SGB (+9,03%), CTG (+2,14%)....

Nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán đa số cũng phục hồi tốt, nổi bật như VIX (+6,86%), CTS (+2,36%), MBS (+1,46%), SHS (+1,33%)... tuy nhiên thanh khoản suy giảm khá mạnh, dưới mức trung bình.

Các cổ phiếu nhóm dầu khí đa số phục hồi khá tích cực khi nhiều mã vẫn duy trì kết quả kinh doanh quý II tăng trưởng mạnh và giá dầu vẫn duy trì trên nền cao với BSR (+4,64%), OIL (+2,73%), VIP (+1,67%), PVD (+1,57%).... trong khi các mã phục hồi kém vẫn chịu áp lực điều chỉnh như PGC (-0,92%), VTO (-0,73%), PVT (-0,64%)...

Các mã nhóm bất động sản sau áp lực bán mạnh phiên trước, như là một động thái bán giảm tỷ trọng margin mạnh, đa số phục hồi tốt trở lại với nhiều mã vẫn tăng giá mạnh hết biên độ, thanh khoản đột biến như QCG (+7,00%), IJC (+6,69%), CII (+4,83%), NHA (+4,00%).... ngoài SJS (-1,94%), VHM (-1,43%), HDG (-0,46%)... chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản ở mức trung bình.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2308 giảm 2 điểm (-0,16%), chênh lệch gia tăng trở lại âm -3,32 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm, khối lượng mở OI giảm so với phiên trước. Các kỳ hạn VN30F2309, VN30F2312 và VN30F2403 chênh lệch từ -2,32 điểm đến -6,12 điểm. Cho thấy các trader cũng không quá bi quan về mức điều chỉnh của VN30 khi kỳ vọng sẽ phục hồi ở vùng 1215 điểm.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Thị trường hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay và có dấu hiệu hình thành nền tích lũy nhỏ tương tự như những nhịp trước đó trong quá trình tăng điểm vừa qua. Tuy nhiên khả năng xuất hiện nhịp điều chỉnh, rung lắc mạnh hơn vẫn có thể xuất hiện trong ngắn hạn để tiếp tục củng cố xu hướng tăng điểm trung hạn sau khi Vn-Index vượt khỏi mốc 1.150 điểm. Hiện hỗ trợ của chỉ số là quanh vùng 1.200 điểm, kháng cự gần quanh 1.230 điểm. Chúng tôi kỳ vọng thị trường có thể có nhịp điều chỉnh mạnh hơn trước khi Vn-Index hướng tới vùng cản mục tiêu 1.300 điểm trong trung hạn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm trở lại sau phiên điều chỉnh, Vn-Index tăng 2,87 điểm (+0,44%) và đóng cửa ở 1.220,43 điểm với thanh khoản giảm, diễn biến bình thường sau phiên giảm điểm với giá trị giao dịch tăng mạnh hôm qua phản ánh tâm lý thận trọng hơn của nhà đầu tư. Trong ngắn hạn Vn-Index đang có dấu hiệu tiếp tục hình thành 1 nền tích lũy nhỏ tuy nhiên cũng không loại trừ khả năng thị trường sẽ còn có thêm các phiên điều chỉnh, rung lắc bất thường trong ngắn hạn.

Trong trung hạn xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn được duy trì và trong xu hướng này các nhịp tăng và điều chỉnh ngắn hạn liên tiếp sẽ còn diễn ra với vùng mục tiêu của VN-Index là khu vực 1.300 điểm.

Trong ngắn hạn thị trường đang chứng lại sau nhịp bùng nổ và có thể có các phiên điều chỉnh. Nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì danh mục với tỷ trọng ở mức trung bình và tiếp tục quan sát diễn biến thị trường tại các vùng hỗ trợ trước khi quyết định giải ngân. Với nhà đầu tư trung, dài hạn chúng tôi vẫn thường xuyên khuyến nghị giải ngân trong thời gian vừa qua (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy) nên nếu cơ cấu tốt thì hiện tại hoàn toàn có thể tiếp tục nắm giữ. Trong trường hợp muốn gia tăng tỷ trọng nhà đầu tư có thể tận dụng mua dần ở các nhịp điều chỉnh, nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

2/8/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
POW	13.70	13.1-13.6	16.5-17	12	22.7	13.0%	-70.1%	Theo dõi chờ giải ngân
BIC	29.70	28-29	32-33	26	8.4	33.1%	204.3%	Theo dõi chờ giải ngân
VNM	76.10	75-76.7	89-91	70	19.3	1.8%	5.6%	Theo dõi chờ giải ngân
CTG	31.05	30-30.8	34.5-36	28	8.5	0.0%	12.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
30/3/23	BVS	26.3	18	28-30	25	46.1%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	34.0	25.1	35-37	33	35.5%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	14.9	12.75	18-18.5	14.5	16.5%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	62.3	54.8	65-67	61	13.7%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	32.1	28.05	34-35	31	14.4%	Nắm giữ
21/6/23	GMD	56.6	51	62-64	57	11.0%	Nắm giữ
12/7/23	DCM	32.5	27.75	31-32	30	16.9%	Nắm giữ
28/7/23	BIC	29.7	29.1	32-33	28	2.1%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	76.1	75.4	89-91	72	0.9%	Giải ngân giá 75.4
2/8/23	CTG	31.1	30.6	34.5-36	28	1.5%	Giải ngân giá 30.6



TIN VĨ MÔ

Giải ngân đầu tư công bút tốc, vượt cùng kỳ trên 80.000 tỷ đồng

Bộ Tài chính vừa có báo cáo về tình hình thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước lũy kế 6 tháng, ước thực hiện 7 tháng kế hoạch năm 2023. Báo cáo của Bộ Tài chính cho thấy ước tỷ lệ giải ngân 7 tháng đầu 2023 tăng 3,88% so với cùng kỳ về tỷ lệ và 80.777 tỷ đồng về con số tuyệt đối. Tuy nhiên, vẫn còn 40 bộ và 24 địa phương giải ngân đạt dưới tỷ lệ trung bình cả nước...

Mỹ bị hạ xếp hạng tín nhiệm

Fitch Ratings vừa hạ bậc tín nhiệm của Mỹ, từ mức cao nhất là AAA xuống AA+, một phần vì bé tắc trần nợ cách đây vài tháng. Trong thông báo hôm 1/8, Fitch cho biết lý do hạ bậc là "chất lượng điều hành đi xuống". Ví dụ như bất đồng quanh vấn đề trần nợ công đầu năm nay, khiến Mỹ gặp rủi ro vỡ nợ lần đầu tiên trong lịch sử.

Bộ Giao thông vận tải đề xuất giảm loại lệ phí, trợ giá trực tiếp 1.000 USD cho người mua ô tô điện

Bộ Giao thông vận tải vừa có báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đề xuất chính sách hỗ trợ chuyển đổi sang xe ô tô điện. Thúc đẩy tiêu dùng, sử dụng xe điện, Bộ Giao thông vận tải đề xuất miễn, giảm lệ phí trước bạ, lệ phí đăng ký biển số với xe ô tô điện. Cùng với đó, hỗ trợ tín dụng, thậm chí, trợ cấp cho người dân khoảng 1.000 USD/xe để chuyển đổi...

HSBC: NHNN sẽ cắt giảm lãi suất lần cuối cùng trong chu kỳ nới lỏng

Theo Khối Nghiên cứu Kinh tế Toàn cầu HSBC, Ngân hàng Nhà nước sẽ thực hiện cắt giảm lãi suất thêm 0,5 điểm % và sẽ là lần cắt giảm lãi suất cuối cùng trong chu kỳ nới lỏng hiện tại. Ngoài ra, HSBC vẫn thận trọng với những rủi ro gia tăng lạm phát tiềm ẩn, đặc biệt là do hiện tượng El Niño đang ngày càng nhiều hơn.

TIN DOANH NGHIỆP

VNZ bắt ngờ lãi hơn 100 tỷ sau chuỗi 5 quý thua lỗ

CTCP VNG (UPCoM: VNZ) công bố BCTC hợp nhất quý 2/2023 với lãi ròng hơn 100 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lỗ hơn 265 tỷ đồng. Trong quý 2, VNZ đạt doanh thu hơn 2.2 ngàn tỷ đồng, tăng 12%. Sau khi khấu trừ giá vốn, lãi gộp đạt gần 1.1 ngàn tỷ đồng, hơn cùng kỳ 26%. Kết quả quý 2 cũng kéo thành quả lũy kế 6 tháng của VNZ đi lên. Kết thúc nửa đầu năm, VNZ đạt gần 4.1 ngàn tỷ đồng doanh thu (tăng 12%), thực hiện được 44% kế hoạch năm; lãi ròng gần 60 tỷ đồng (cùng kỳ lỗ 281 tỷ đồng).

Doanh số tiêu thụ tháng 7 của TNG cao nhất từ đầu năm

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) ghi nhận doanh thu tiêu thụ 782 tỷ đồng trong tháng 7/2023, tăng hơn 11% so với tháng trước và 2% so với cùng kỳ. Đây cũng là tháng có mức doanh thu tiêu thụ cao nhất từ đầu năm của Công ty. Lũy kế 7 tháng đầu năm, doanh thu tiêu thụ của TNG ước đạt 4,116 tỷ đồng, tăng 109 tỷ đồng, tương ứng tăng 3% so với cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu vẫn giữ ưu thế (chiếm 98% tổng doanh thu), trong đó các thị phần lớn tập trung ở Mỹ (47%), Pháp (15%); Canada (8%); Nga (7%); Tây Ban Nha (6%)...

Lãi ròng quý 2 giảm 55%, CSV chốt quyền trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 15%

CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam (HOSE: CSV) thông báo chốt quyền trả cổ tức đợt 3/2022 bằng tiền mặt. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 28/08/2023. Với 44.2 triệu cp đang lưu hành, cùng tỷ lệ thực hiện 15%/cp (1 cp được nhận 1,500 đồng), ước tính CSV cần chi hơn 66 tỷ đồng để hoàn tất đợt trả cổ tức này. Thời gian thanh toán dự kiến vào ngày 13/09/2023. Về kết quả kinh doanh, quý 2/2023, doanh thu thuần của CSV giảm 204 tỷ đồng, tương ứng giảm 36% so với cùng kỳ năm trước, xuống 358 tỷ đồng.

Petrolimex (PLX) lãi 1.517 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2023, gấp 3,9 lần cùng kỳ

Trong quý II/2023, PLX ghi nhận doanh thu thuần đạt 65.752 tỷ đồng, giảm 22% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhờ giá vốn giảm 24%, về mức 61.913 tỷ đồng nên lợi nhuận gộp doanh nghiệp tăng đến 60%, đạt 3.839 tỷ đồng. Tập đoàn cho biết, trong quý II, hoạt động kinh doanh xăng dầu trong điều kiện bình thường nên đạt lợi nhuận tốt hơn so với cùng kỳ do nguồn cung năng lượng và giá dầu không chịu tác động bất thường như khi xảy ra cuộc xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine vào tháng 2/2022.

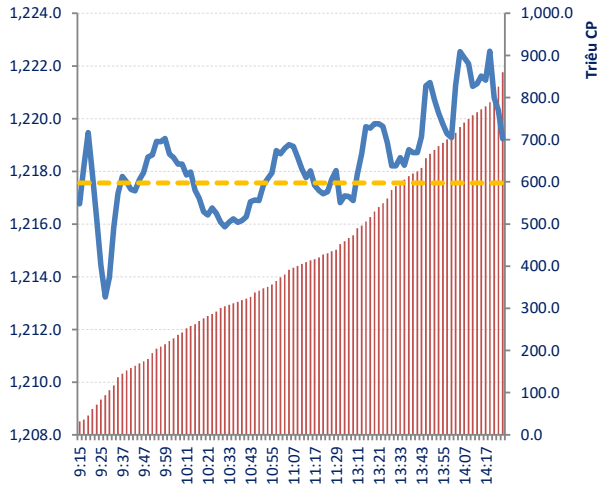
Quý II/2023, lợi nhuận Damsan (ADS) tăng 41% lên 30,5 tỷ đồng

Trong quý II/2023, Damsan ghi nhận doanh thu đạt gần 676 tỷ đồng, tăng 67% so với cùng kỳ. Giá nguyên liệu bông cotton giảm góp phần tiết giảm giá vốn hàng bán. Biên Lợi nhuận gộp vẫn duy trì ở mức cao đạt 9%, cao hơn trung bình ngành. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ghi nhận giảm 18% trong chủ trương tiết giảm chi phí. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế đạt gần 30,5 tỷ đồng, tăng 41% so với cùng kỳ.

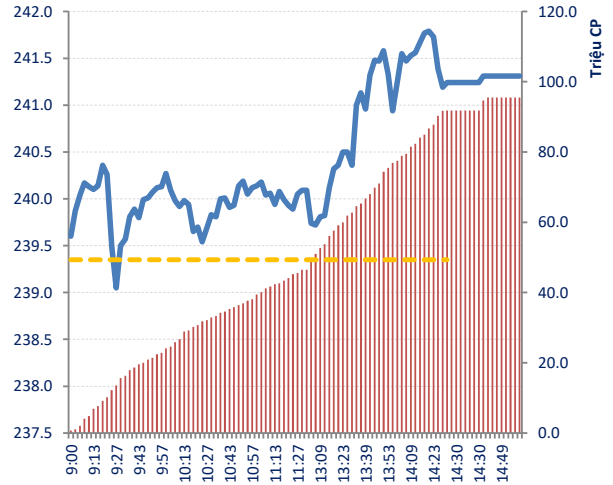


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

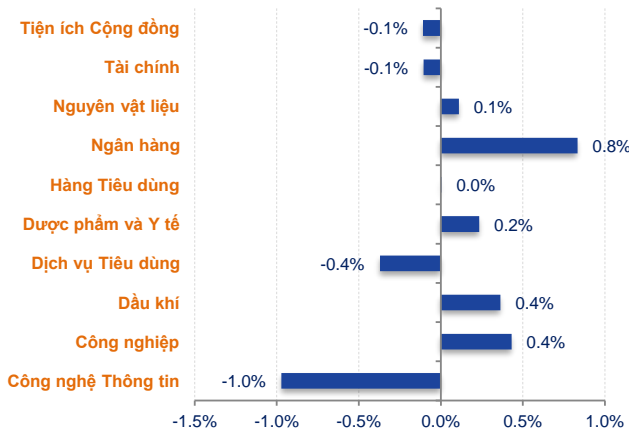
KLGD và VN-Index trong phiên



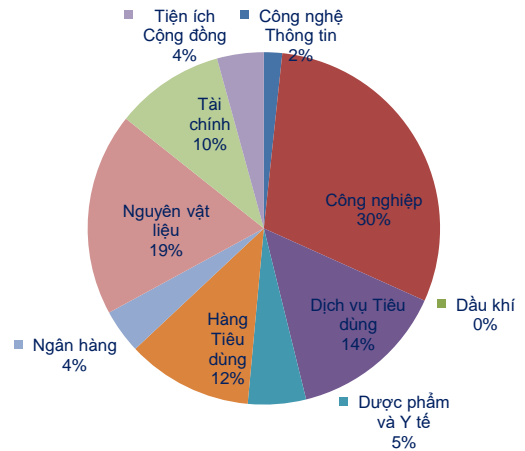
KLGD và HNX-Index trong phiên



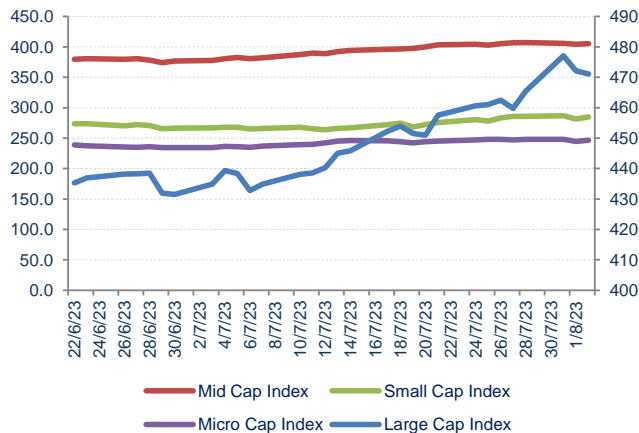
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



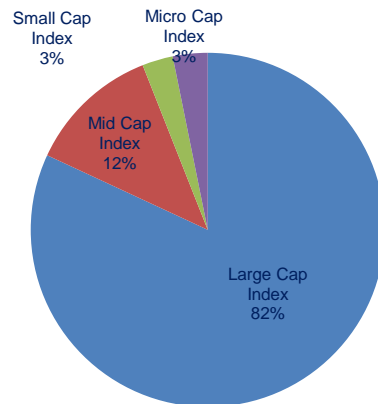
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MSB	17,510,393	VPB	2,687,600	1	IDC	750,200	BCC	250,500
2	CTG	2,796,000	E1VFN30	1,420,500	2	SHS	217,900	NVB	84,244
3	NVL	2,441,100	HPG	1,397,700	3	PVS	154,800	SD9	38,000
4	DXG	1,734,200	MWG	969,100	4	CEO	53,000	PVG	20,000
5	SHB	1,443,800	POW	942,600	5	BVS	27,900	MCF	19,200

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	17.80	18.35	↑ 3.09%	43,279,600	SHS	15.00	15.20	↑ 1.33%	12,638,729
MSB	14.00	14.10	↑ 0.71%	36,685,893	CEO	18.80	19.10	↑ 1.60%	6,822,176
VIX	15.30	16.35	↑ 6.86%	30,097,700	IDJ	6.70	6.50	↓ -2.99%	6,614,642
VND	20.00	20.20	↑ 1.00%	29,558,400	HUT	23.20	24.30	↑ 4.74%	5,855,275
VIB	20.65	20.70	↑ 0.24%	27,075,925	PVS	33.70	34.00	↑ 0.89%	5,596,240

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QCG	10.00	10.70	0.70	↑ 7.00%	NHC	28.10	30.90	2.80	↑ 9.96%
EIB	21.45	22.95	1.50	↑ 6.99%	GLT	19.50	21.40	1.90	↑ 9.74%
PHC	10.05	10.75	0.70	↑ 6.97%	HCT	7.30	8.00	0.70	↑ 9.59%
L10	20.20	21.60	1.40	↑ 6.93%	CMS	8.60	9.40	0.80	↑ 9.30%
MHC	6.78	7.25	0.47	↑ 6.93%	MCF	8.70	9.50	0.80	↑ 9.20%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LEC	10.20	9.49	-0.71	↓ -6.96%	ARM	26.50	24.00	-2.50	↓ -9.43%
PMG	10.00	9.45	-0.55	↓ -5.50%	VCM	25.70	23.30	-2.40	↓ -9.34%
CTD	66.90	63.30	-3.60	↓ -5.38%	NTH	58.00	52.60	-5.40	↓ -9.31%
TMP	56.50	53.70	-2.80	↓ -4.96%	DAD	21.80	19.80	-2.00	↓ -9.17%
TBC	39.50	37.70	-1.80	↓ -4.56%	ATS	12.10	11.00	-1.10	↓ -9.09%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	43,279,600	-0.2%	(48)	-	0.8
MSB	36,685,893	17.5%	2,414	5.8	0.9
VIX	30,097,700	7.0%	839	18.2	1.2
VND	29,558,400	3.9%	467	42.8	1.6
VIB	27,075,925	27.7%	3,543	5.8	1.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	12,638,729	4.3%	507	29.6	1.2
CEO	6,822,176	7.9%	1,099	17.1	1.5
IDJ	6,614,642	5.9%	668	10.0	0.6
HUT	5,855,275	1.2%	136	171.1	2.1
PVS	5,596,240	7.2%	1,954	17.2	1.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	↑ 7.0%	-0.3%	(51)	-	0.6
EIB	↑ 7.0%	12.2%	1,726	12.4	1.5
PHC	↑ 7.0%	1.2%	160	62.7	0.8
L10	↑ 6.9%	6.8%	1,771	11.4	0.8
MHC	↑ 6.9%	9.6%	1,184	5.7	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NHC	↑ 10.0%	-1.8%	(341)	-	1.5
GLT	↑ 9.7%	14.8%	2,672	7.3	1.3
HCT	↑ 9.6%	1.1%	230	31.8	0.4
CMS	↑ 9.3%	0.8%	102	84.3	0.6
MCF	↑ 9.2%	9.2%	1,034	8.4	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	17,510,393	17.5%	2,414	5.8	0.9
CTG	2,796,000	15.8%	3,664	8.3	1.2
NVL	2,441,100	-0.2%	(48)	-	0.8
DXG	1,734,200	-1.4%	(317)	-	0.8
SHB	1,443,800	17.9%	2,213	5.7	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	750,200	20.7%	3,969	12.0	2.5
SHS	217,900	4.3%	507	29.6	1.2
PVS	154,800	7.2%	1,954	17.2	1.2
CEO	53,000	7.9%	1,099	17.1	1.5
BVS	27,900	8.3%	2,576	10.2	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	509,726	23.0%	5,797	15.7	3.4
VHM	273,454	29.1%	10,332	6.1	1.6
BID	243,821	19.0%	4,025	12.0	2.1
VIC	224,641	4.0%	1,405	41.9	1.6
GAS	192,735	20.3%	6,680	15.1	2.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,107	7.2%	1,954	17.2	1.2
IDC	15,774	20.7%	3,969	12.0	2.5
THD	14,105	2.9%	504	79.9	2.3
SHS	12,197	4.3%	507	29.6	1.2
KSF	12,060	2.3%	532	75.6	1.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	6.24	-0.3%	(51)	-	0.6
TTB	4.45	-0.2%	(17)	-	0.2
EVG	3.96	0.9%	113	61.7	0.6
PTL	3.89	-22.1%	(1,116)	-	0.9
LGL	3.64	6.1%	792	6.6	0.4

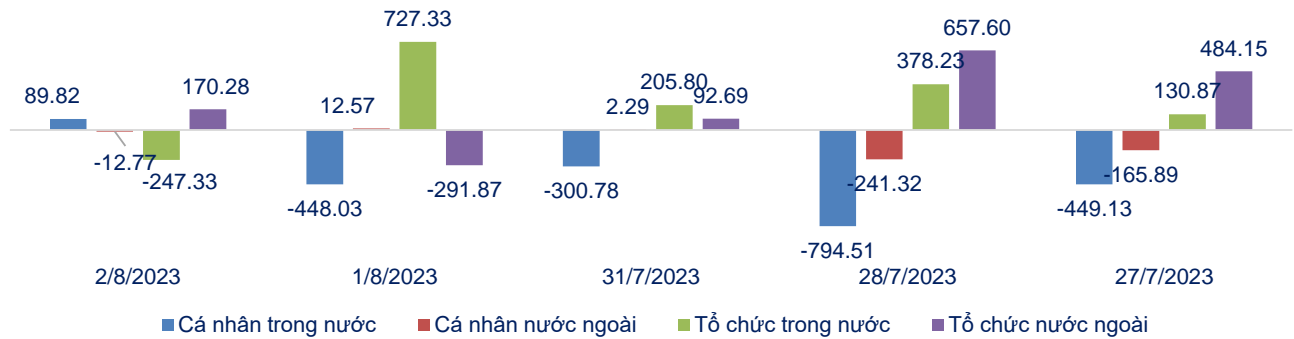
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FID	4.31	-0.4%	(39)	-	0.3
VC9	4.17	109.3%	838	8.6	1.9
API	4.03	8.2%	921	7.7	0.6
VC7	3.72	2.4%	265	73.7	1.8
SDA	3.71	-0.3%	(23)	-	1.1



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	76.09	6.6%	1,069	48.4	3.2
VPB	63.39	11.1%	1,728	12.7	1.4
VIC	60.93	4.0%	1,405	41.9	1.6
MSN	45.93	3.6%	920	94.2	3.3
VHM	39.40	29.1%	10,332	6.1	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-226.74	17.5%	2,414	5.8	0.9
VSC	-128.33	5.8%	1,507	22.5	1.3
CTG	-77.60	15.8%	3,664	8.3	1.2
SSB	-54.16	12.9%	1,400	21.4	2.7
NVL	-38.53	-0.2%	(48)	-	0.8

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CMG	4.94	10.2%	2,103	23.3	2.3
NVL	4.30	-0.2%	(48)	-	0.8
PC1	2.81	3.5%	895	31.2	1.1
PLX	1.58	9.6%	2,094	19.6	1.9
VNM	1.48	23.9%	3,937	19.3	4.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-9.71	-2.0%	(328)	-	1.6
SSI	-6.49	7.3%	1,093	26.4	2.0
CTG	-5.96	15.8%	3,664	8.3	1.2
PVT	-3.47	11.9%	2,956	7.9	0.9
HNG	-2.98	-125.8%	(3,112)	-	1.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VSC	130.00	5.8%	1,507	22.5	1.3
SSB	61.98	12.9%	1,400	21.4	2.7
E1VFN30	30.37	N/A	N/A	N/A	N/A
FUEVFNND	21.75	N/A	N/A	N/A	N/A
OPC	13.69	15.8%	2,059	11.2	1.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-42.51	17.2%	3,601	8.0	1.3
VCB	-34.75	23.0%	5,797	15.7	3.4
NLG	-27.05	4.4%	1,492	25.5	1.1
MWG	-25.73	6.6%	1,069	48.4	3.2
VIC	-23.24	4.0%	1,405	41.9	1.6

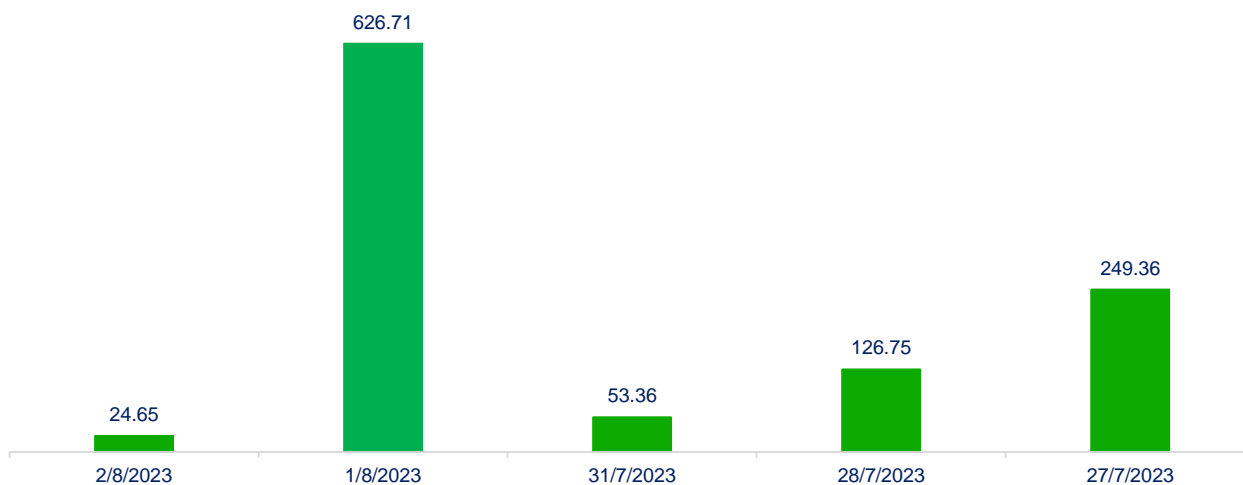
Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	238.89	17.5%	2,414	5.8	0.9
CTG	92.74	15.8%	3,664	8.3	1.2
DCM	44.32	21.3%	4,242	7.5	1.5
NVL	40.06	-0.2%	(48)	-	0.8
DXG	31.99	-1.4%	(317)	-	0.8

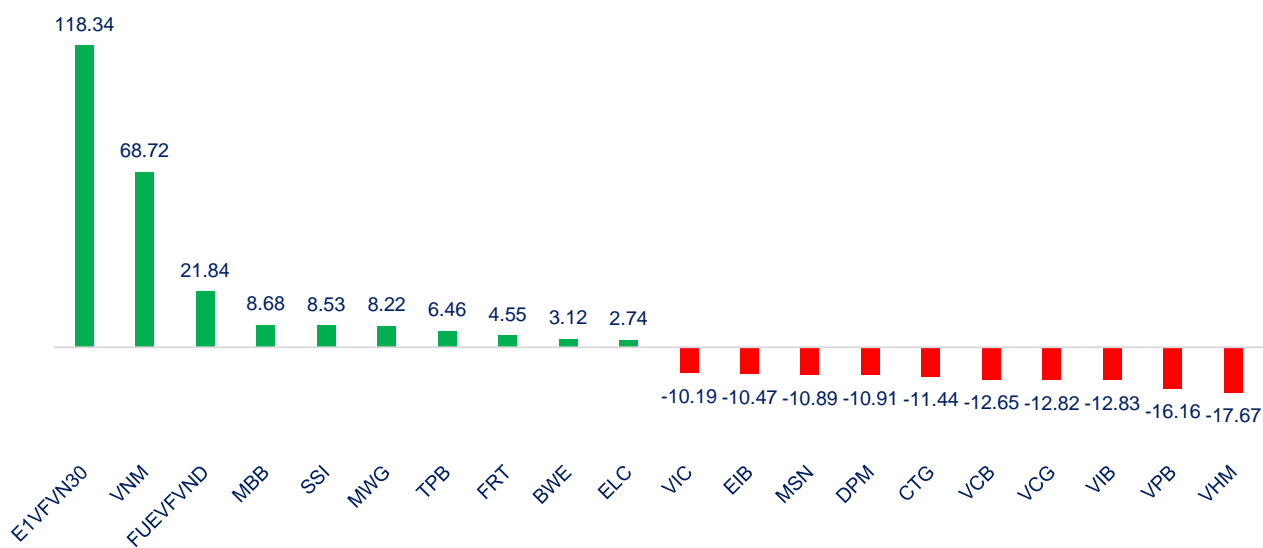
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-59.15	11.1%	1,728	12.7	1.4
MWG	-50.59	6.6%	1,069	48.4	3.2
VIC	-39.05	4.0%	1,405	41.9	1.6
MSN	-35.08	3.6%	920	94.2	3.3
VNM	-29.86	23.9%	3,937	19.3	4.3

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn